

LẦN ĐẦU TIÊN ĐÁNH GIÁ 83 TẠP CHÍ KHOA HỌC CỦA VIỆT NAM THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ

GS.TS Nguyễn Hữu Đức
Đại học Quốc gia Hà Nội

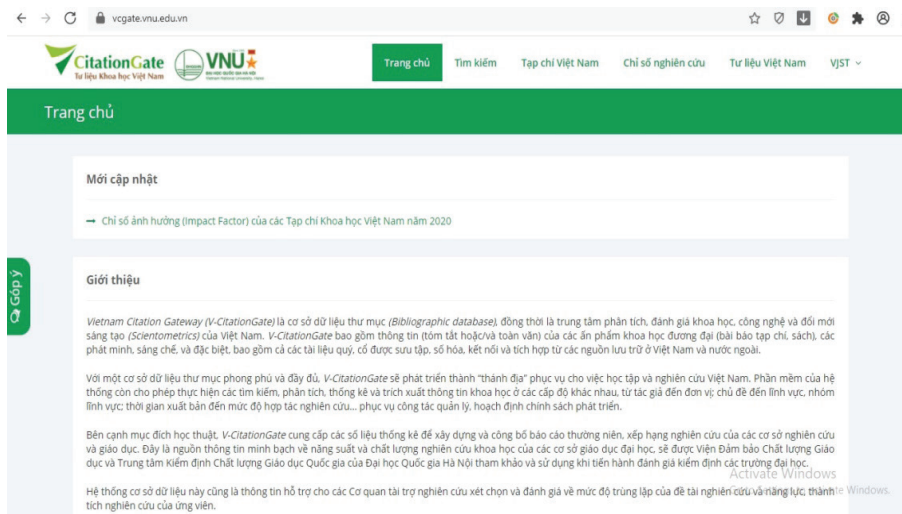
Việt Nam hiện có hơn 600 tạp chí khoa học, nhưng mới chỉ có 83 tạp chí được đưa vào hệ thống của VCgate (Vietnam Citation Gateway - <https://vcgate.vnu.edu.vn>) thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó có 72 tạp chí đã có chỉ số ảnh hưởng (IF), 42 tạp chí có IF>0,1, 12 tạp chí có IF>0,5 và 6 tạp chí có IF>1,0. Đây là kết quả được nhóm quản trị VCgate công bố ngày 18/5/2021 nhân dịp kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam. Đây cũng là lần đầu tiên VCgate công bố chỉ số IF và chỉ số H (H_{index}) - những chỉ số theo thông lệ quốc tế.

Đánh giá theo thông lệ quốc tế

Chỉ số IF năm 2020 được tính cho tổng số trích dẫn trong năm 2020 của bài báo xuất bản trong 5 năm (2015-2019). Theo đó, công thức được tính như sau:

$$IF = \frac{\text{Tổng số trích dẫn năm 2020 các bài báo xuất bản (2015-2019)}}{\text{Tổng số bài báo xuất bản (2015-2019)}}$$

Đánh giá của VCgate cho thấy, trong số 83 tạp chí xem xét đánh giá thì có 72 tạp chí có IF, 42 tạp chí có IF>0,1, 12 tạp chí có IF>0,5 và 6 tạp chí có IF>1,0. Các trích dẫn được thu thập từ nguồn Google Scholar (nguồn này thường là cao hơn nguồn Web of Science và Scopus). Top 6 tạp chí có IF>1,0 là những tạp chí có cách biệt khá rõ so với các tạp chí còn lại, đó là các tạp chí: 1) Journal of Science: Advanced Materials and Devices thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (chỉ mục quốc tế: SCIE, Scopus; IF=5,921); 2) Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (chỉ mục quốc tế: SCIE, Scopus; IF=3,474); 3) Journal of Advanced Engineering and Computation thuộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng (chỉ mục quốc tế: ACI; IF=1,806); 4) Journal of Information and Telecommunication thuộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng (chỉ mục quốc tế: ACI; IF=1,695); 5) Vietnam Journal of Computer Science thuộc Trường Đại học



Giao diện trang chủ của VCgate - nơi công bố chỉ số IF và H của 83 tạp chí khoa học Việt Nam.

IF=5,921); 2) Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (chỉ mục quốc tế: SCIE, Scopus; IF=3,474); 3) Journal of Advanced Engineering and Computation thuộc Trường

Đại học Tôn Đức Thắng (chỉ mục quốc tế: ACI; IF=1,806); 4) Journal of Information and Telecommunication thuộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng (chỉ mục quốc tế: ACI; IF=1,695); 5) Vietnam Journal of Computer Science thuộc Trường Đại học



Tạp chí Journal of Science: Advanced Materials and Devices thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội có chỉ số IF cao nhất trong số 83 tạp chí được đánh giá.

Nguyễn Tất Thành (chỉ mục quốc tế: Scopus, ACI; IF=1,647); 6) Journal of Economics and Development thuộc Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (chỉ mục quốc tế: AIC; IF=1,571).

Kết quả đánh giá của VCGate cho thấy, bên cạnh các tạp chí có yếu tố quốc tế, một số tạp chí khoa học của Việt Nam xuất bản hoàn toàn bằng nội lực, nhưng đã nhận được chỉ số IF rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, chất lượng các tạp chí của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, còn khoảng cách xa so với nhóm cuối cùng (Q4) của các tạp chí quốc tế.

Bên cạnh chỉ số IF, năm nay VCGate cũng công bố kết quả khảo sát chỉ số H của các tạp chí. Chỉ số này đánh giá mức độ tích hợp giữa năng suất công bố (số lượng) và chất lượng (số

trích dẫn)*. Theo đó, có 14 tạp chí có chỉ số H>10 và xếp theo thứ hạng là: 1) Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology của Viện Hàn Lâm KH&CN Việt Nam (chỉ mục quốc tế: SCIE, Scopus; H=53); 2) Journal of Science: Advanced Materials and Devices thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (chỉ mục quốc tế: SCIE, Scopus; H=29); 3) Vietnam Journal of Computer Science thuộc Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (chỉ mục quốc tế: Scopus, ACI; H=20), Acta Mathematica Vietnamica thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (chỉ mục quốc tế: ESCI, Scopus; H=20); 4) Vietnam Journal of Mathematics thuộc Hội Toán học Việt Nam (chỉ mục quốc tế: ESCI, Scopus; H=17); 5) Biomedical Research and Therapy thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (chỉ mục quốc tế: ESCI, Scopus, ACI; H=15); 6) Journal of Economics and Development thuộc Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (chỉ mục quốc tế: AIC; H=13), Vietnam Journal of Mechanics thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (chỉ mục quốc tế: ACI; H=13), VNU Journal of Science: Foreign Studies thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (H=13); 7) Journal of Information and Telecommunication thuộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng (chỉ mục quốc tế: ACI; H=12), Vietnam

*Chỉ số H được tính toán dựa trên số công trình công bố và số lần trích dẫn. Chỉ số H của một tạp chí là H công trình trong số N công trình đã xuất bản được trích dẫn ít nhất là H lần.

Journal of Earth Sciences thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (chỉ mục quốc tế: ESCI, Scopus, ACI; H=12); 8) REV Journal on Electronics and Communications thuộc Hội Vô tuyến điện tử Việt Nam (H=11), VNU Journal of Science: Economics and Business thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (H=11), VNU Journal of Science: Mathematics - Physics thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (H=11).

Hạn chế và nguyên nhân

Việt Nam hiện có trên 600 tạp chí khoa học (trong hệ thống tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm là hơn 470 tạp chí), trong đó mới có 1 tạp chí được chỉ mục trong CSDL của SCIE và 6 tạp chí thuộc ESCI của Web of Sciences; 8 tạp chí Scopus; 20 tạp chí được chỉ mục trong CSDL của ACI. Đây là những con số hết sức khiêm tốn so với ngay cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Về số hóa, mới có khoảng hơn 100/600 tạp chí xuất bản trực tuyến, trong đó chỉ có 83 tạp chí có website tương đối chuẩn hóa, tương thích với các CSDL quốc tế và được chỉ mục trong hệ thống VCGate.

Nguyên nhân của tình trạng nêu trên có thể nêu ra một số điểm:

Một là, định dạng và quy cách trình bày của nhiều tạp chí còn tùy tiện, chưa thống nhất; không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hai là, ban biên tập và công trình công bố chưa đảm bảo tính

Diễn đàn Khoa học và Công nghệ

đa dạng quốc tế.

Ba là, quy trình bình duyệt (phản biện) chưa rõ ràng và minh bạch.

Bốn là, hệ thống xuất bản trực tuyến không tương thích với công nghệ tìm kiếm và nhận diện của các CSDL quốc tế.

Năm là, chưa có chủ trương khuyến khích đánh giá chất lượng tạp chí theo định lượng và thông lệ quốc tế.

Kinh nghiệm thế giới và khuyến nghị

Trên thế giới hiện nay, các quốc gia, doanh nghiệp đã tập trung đầu tư xây dựng các hệ thống CSDL khoa học. Ở cấp độ quốc gia, có thể tìm thấy các CSDL khoa học của Trung Quốc (Chinese Science Citation Database), Nga (Russian Citation Science Index), Hàn Quốc (Korea Citation Index). Trong khu vực Đông Nam Á có Thái Lan (Thai - Journal Citation Index Centre - TCI), Malaysia (Malaysia Citation Centre - MyJournal), Indonesia (Indonesian Publication Index - IPI), Philippine (Philippine E-Journals - PEJ). Trong khu vực Đông Nam Á, Thái Lan là đầu mối xây dựng hệ thống Asean Citation Index (ACI).

Ở cấp độ doanh nghiệp mang tính toàn cầu, các hệ thống CSDL khoa học lớn, có khả năng truy cập, tìm kiếm và phân tích cao thuộc về hệ thống CSDL của Web of Science (WoS), hệ thống CSDL Scopus và hệ thống CSDL Google Scholar. Bên cạnh chiến lược phát triển độc lập, các



Mặc dù mới xuất bản (từ năm 2017) và là tạp chí đa ngành, nhưng Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering đã bước đầu khẳng định được chất lượng và uy tín trong cộng đồng khoa học (xếp thứ 18/83 về chỉ số IF).

hệ thống CSDL toàn cầu này còn có kế hoạch tích hợp và thu tóm CSDL của các quốc gia. Thực tế, CSDL của Web of Science (trước đây được biết là ISI) đã tích hợp cả CSDL khoa học của Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc và chỉ số trích dẫn SciELO.

Trong khi việc quản lý năng suất và chất lượng công bố quốc tế của các nhà khoa học và tổ chức KH&CN Việt Nam có thể được thực hiện rất nhanh chóng và thuận lợi thông qua CSDL của Web of Science và/hoặc Scopus thì việc thống kê và quản lý các ấn phẩm công bố trong nước đang có nhiều bất cập. Có thể nói, công trình công bố trên các tạp chí khoa học là CSDL và thông tin chủ yếu để đánh giá

năng suất và chất lượng nghiên cứu khoa học của các cá nhân và tổ chức, là thước đo để công nhận các chức danh và giải thưởng khoa học, các tiêu chí đánh giá cán bộ... nên nếu không quan tâm đến điều này, chỉ đánh giá dựa trên chất lượng các tạp chí như hiện nay thì hệ lụy sẽ vô kể. Chính vì vậy, xin được đưa ra một số khuyến nghị cụ thể:

Thứ nhất, cần nâng cao tính chuẩn hóa và số hóa hệ thống các tạp chí khoa học của Việt Nam, trong đó có tạp chí của các cơ sở giáo dục đại học.

Thứ hai, cần phát triển hoàn chỉnh hệ thống CSDL trích dẫn Việt Nam.

Thứ ba, cần xây dựng bộ tiêu chí và sử dụng CSDL của hệ thống trích dẫn để đánh giá chất lượng các tạp chí.

Vấn đề cuối cùng là nhu cầu sử dụng của các bên liên quan. Nếu các bộ, ngành, các tổ chức có liên quan như: Hội đồng Giáo sư Nhà nước, Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, các tổ chức đánh giá chất lượng học thuật của các cá nhân và tổ chức không có nhu cầu sử dụng và đặt hàng cho các công cụ đo lường tương tự như VCgate, thì không những khó hoàn thành nhiệm vụ của mình, mà ở một khía cạnh nào đó còn tiếp tục cổ súy cho các phương pháp đánh giá cảm tính truyền thống